

QUỐC HỘI KHÓA XIV  
ỦY BAN TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 772/UBTP14

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2017

V/v chuẩn bị báo cáo năm 2017  
của Chính phủ, Chánh án TANDTC,  
Viện trưởng VKSNDTC về công tác tư pháp,  
công tác phòng, chống tham nhũng

Kính gửi:

- Đồng chí Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Đồng chí Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Đồng chí Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, để chuẩn bị cho công tác thẩm tra của Ủy ban Tư pháp phục vụ Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIV, Ủy ban Tư pháp trân trọng đề nghị:

- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuẩn bị báo cáo công tác và báo cáo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của ngành mình năm 2017.

- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc chuẩn bị các báo cáo của Chính phủ về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; công tác thi hành án và công tác phòng, chống tham nhũng năm 2017.

Về nội dung: Ngoài nội dung như báo cáo hằng năm, đề nghị nêu rõ những vấn đề được yêu cầu trong Phụ lục kèm theo. Số liệu báo cáo tính từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/7/2017. Số liệu báo cáo từ ngày 01/8/2017 đến ngày 30/9/2017 đề nghị bổ sung sau.

Thời gian gửi báo cáo về Ủy ban Tư pháp: trước ngày 25/8/2017. Số lượng mỗi báo cáo: 100 bản./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các Phó Chủ tịch Quốc hội: Ông Chu Lưu, Đỗ Bá Tỵ (để báo cáo);
- Thường trực UBTP;
- Bộ trưởng Bộ CA, Bộ trưởng Bộ TP, Tổng Thanh tra Chính phủ (để p/h);
- Lưu: HC, TP.

Epas: 55734

TM. ỦY BAN TƯ PHÁP  
CHỦ NHIỆM





**PHỤ LỤC 1**  
**NHỮNG NỘI DUNG YÊU CẦU CHÍNH PHỦ BÁO CÁO**  
**VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM VÀ VI PHẠM PHÁP LUẬT**  
*(Kèm theo Công văn số 772/UBTP14 ngày 25/7 /2017 của Ủy ban Tư pháp)*

Ngoài những nội dung đã báo cáo như định kỳ hằng năm về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, Ủy ban Tư pháp trân trọng đề nghị Chính phủ tập trung báo cáo các nội dung sau đây:

**I. Về tình hình thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội**

- Kết quả thực hiện các Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012, Nghị quyết số 63/2013/QH13 ngày 27/11/2013, Nghị quyết số 111/2015/QH13 ngày 27/11/2015 và các Nghị quyết khác của Quốc hội về công tác tư pháp thuộc trách nhiệm của Chính phủ; những kết quả đạt được, hạn chế, những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, đề xuất các giải pháp khắc phục.

- Kết quả thực hiện Nghị quyết số 96/2015/QH13 của Quốc hội về tăng cường các biện pháp phòng, chống oan, sai và bảo đảm bồi thường cho người bị thiệt hại trong hoạt động tố tụng hình sự. Đề nghị báo cáo cụ thể việc: “*Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, cần giao cho Cơ quan điều tra Bộ Công an thụ lý, giải quyết các vụ án mà Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hủy bản án có hiệu lực pháp luật kết án bị cáo hình phạt chung thân hoặc tử hình để điều tra lại*”.

**II. Về công tác phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm**

- Về công tác phòng ngừa xã hội: việc ban hành chính sách, pháp luật, công tác chỉ đạo phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm của Chính phủ, các bộ, ngành, các địa phương trong phạm vi quản lý; trong đó cần chỉ rõ ngành nào, địa phương nào làm tốt hoặc chưa tốt. Đặc biệt, đánh giá cụ thể đối với lĩnh vực phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng..., khai thác trái phép tài nguyên khoáng sản; lĩnh vực an toàn giao thông, an toàn thực phẩm; các biện pháp, chính sách phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm trong thanh niên, người chưa thành niên.

- Về công tác phòng ngừa nghiệp vụ: đánh giá về công tác quản lý đối tượng, địa bàn trọng điểm, các lĩnh vực dễ nảy sinh vi phạm pháp luật và tội phạm; đặc biệt đối với việc quản lý, phòng ngừa các băng, nhóm hoạt động theo kiểu “xã hội đen”, “bảo kê”; tội phạm là người nước ngoài phạm tội tại Việt Nam. Số lượng kiến nghị của các cơ quan làm công tác phòng ngừa nghiệp vụ đối với các cơ quan quản lý nhà nước để ban hành các chính sách, pháp luật nhằm hạn chế các thiếu sót, tồn tại có thể làm phát sinh tội phạm. Số lượng người đứng đầu chính quyền và cơ quan Công an các địa phương bị xử lý kỷ luật do để xảy ra tình hình an ninh, trật tự phức tạp trên địa bàn. Công tác phòng



ngừa các loại tội phạm cần thống kê và đánh giá theo các chương trong Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự.

- Công tác xử lý đối với các tệ nạn xã hội là nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm như người nghiện ma túy, mại dâm... Công tác quản lý đối với người có tiền án, tiền sự và việc tái hòa nhập cộng đồng, ngăn ngừa tái phạm.

- Về việc xử lý hành chính: nêu và phân tích rõ việc xử lý hành chính của các cơ quan Bộ, ngành, địa phương, đặc biệt là của các cơ quan Công an, Quản lý thị trường, Thanh tra, Hải quan, Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển, Kiểm lâm, Thuế. Trong đó, đề nghị đánh giá, làm rõ số lượng, tỷ lệ chuyển xử lý hình sự.

- Đánh giá tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm, cần nêu số liệu, phân tích, đánh giá nguyên nhân tăng, giảm; loại tội phạm mới phát sinh; dự báo về tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm trong thời gian tới.

### **III. Về công tác phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm**

#### ***a) Việc xử lý tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố***

- Tổng số tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã nhận được; số vụ đã xác minh, số vụ chưa xác minh; số vụ có căn cứ khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

- Việc chấp hành quy định của pháp luật về thời hạn giải quyết tố giác và tin báo về tội phạm.

- Công tác phối hợp giữa Cơ quan điều tra chuyên trách và Viện kiểm sát trong công tác này.

#### ***b) Việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can, công tác điều tra và một số nội dung liên quan đến công tác điều tra***

- Tỷ lệ khám phá tội phạm; số vụ án/bị can đã có quyết định khởi tố (trong đó nêu riêng số vụ án/bị can khởi tố theo yêu cầu của Viện kiểm sát); số lượng vụ án hình sự đã kết thúc điều tra, chuyển Viện kiểm sát cùng cấp để truy tố; số vụ án Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án; số đối tượng Viện kiểm sát không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về thời hạn điều tra, thẩm quyền gia hạn điều tra, số vụ án phải gia hạn điều tra.

- Tình hình, số vụ án/bị can áp dụng biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm theo quy định tại Điều 93 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 trong tổng số vụ đã thụ lý.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra: số vụ án/bị can tạm đình chỉ điều tra; số vụ án/ bị can đình chỉ điều tra (trong đó nêu và đánh giá cụ thể về số vụ án/bị can bị đình chỉ theo khoản 2

Điều 105 và Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Điều 19, Điều 25 và khoản 2 Điều 69 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2009; đình chỉ do đã hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm).

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về phục hồi điều tra: số vụ án phục hồi điều tra sau khi hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra; số vụ án phục hồi điều tra sau khi hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra.

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về truy nã bị can: số bị can bỏ trốn, truy nã, các trường hợp bỏ trốn nhưng chưa ra quyết định truy nã (Trong số bị can bỏ trốn, đề nghị thống kê rõ: số bị can đang bị tạm giam nhưng bỏ trốn; số bị can được tại ngoại nhưng bỏ trốn; số người trốn trước khi có quyết định khởi tố bị can).

- Số vụ án/bị can Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung; số vụ án/bị can Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhiều lần.

- Việc cấp Giấy chứng nhận bào chữa cho người bào chữa theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 của Cơ quan điều tra (nêu và đánh giá nguyên nhân của việc từ chối cấp giấy chứng nhận bào chữa, từ chối việc đăng ký bào chữa).

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ (hình sự): số đối tượng bị tạm giữ, gia hạn tạm giữ, quá hạn tạm giữ; số đối tượng Viện kiểm sát ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ, không phê chuẩn gia hạn tạm giữ, số đối tượng được trả tự do sau khi hết thời hạn tạm giữ do không có tội, số đối tượng chuyển xử lý hành chính (nêu và đánh giá nguyên nhân của tình trạng này).

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam: số đối tượng bị tạm giam, gia hạn tạm giam, tạm giam quá hạn, số chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn khác; số đối tượng Viện kiểm sát không phê chuẩn tạm giam, số đối tượng Cơ quan điều tra đề nghị gia hạn tạm giam nhưng Viện kiểm sát không gia hạn tạm giam, quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn (nêu và đánh giá nguyên nhân của tình trạng này).

- Việc chấp hành quy định của pháp luật về chế độ tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ, Trại tạm giam; số đối tượng chết, trốn khỏi Nhà tạm giữ, Trại tạm giam, nêu rõ nguyên nhân.

- Tình hình tiếp nhận và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc điều tra, xử lý các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra, nhất là việc giải quyết các đơn khiếu nại, tố cáo gay gắt, kéo dài, phức tạp.

- Đánh giá về mối quan hệ phối hợp giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát



nhân dân, Tòa án nhân dân, Luật sư, Trại tạm giam và Nhà tạm giữ trong tổ tụng hình sự.

- Nêu rõ tình hình điều tra, xử lý các tội phạm do người chưa thành niên thực hiện, tội phạm chống người thi hành công vụ, tội phạm vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường (khai thác tài nguyên khoáng sản, hủy hoại rừng,...), tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, tội phạm có tính chất băng, nhóm hoạt động theo kiểu “xã hội đen” (cho vay nặng lãi, cá độ bóng đá, đòi nợ thuê, bảo kê cho nhà hàng, vũ trường...), tội phạm ma túy...

- Nêu và đánh giá việc hình sự hóa quan hệ dân sự, kinh tế hoặc hành chính hóa hành vi phạm tội. Tình hình oan, sai trong giai đoạn điều tra và việc bồi thường theo quy định của pháp luật.

- Công tác đấu tranh chống các loại tội phạm cần thống kê và đánh giá theo các chương trong Phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự.

- Phân tích, đánh giá về thực trạng, chất lượng điều tra.

#### **IV. Về những vấn đề khác**

- Biên chế, số lượng, chất lượng của đội ngũ cán bộ làm công tác điều tra, công tác tạm giữ, tạm giam; cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật của Cơ quan điều tra, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ. Những khó khăn, vướng mắc, tồn tại và những kiến nghị.

- Nêu đánh giá về những bất cập của những văn bản quy phạm pháp luật khác gây khó khăn cho công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

- Tình hình thực hiện Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội “*về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 và bổ sung dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2016*”.

- Tình hình thực hiện Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước về bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động tố tụng./.

#### **Lưu ý:**

Các nội dung Báo cáo về tình hình, kết quả công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật phải được phân tích số liệu cụ thể và tính tỷ lệ %; so sánh với số liệu cùng kỳ của năm 2016.

**PHỤ LỤC 4**  
**NHỮNG NỘI DUNG YÊU CẦU CHÍNH PHỦ BÁO CÁO**  
**VỀ CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN**

*(Kèm theo Công văn số 772/UBTP14 ngày 25/7/2017 của Ủy ban Tư pháp)*

Ngoài những nội dung đã báo cáo như định kỳ hằng năm về công tác thi hành án, Ủy ban Tư pháp trân trọng đề nghị Chính phủ tập trung báo cáo các nội dung sau đây:

**1. Về công tác thi hành án dân sự, thi hành án hành chính**

- Công tác hoàn thiện thể chế: ban hành hướng dẫn, chỉ đạo triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự.

- Về tình hình và kết quả thi hành án dân sự năm 2017 (theo tiêu chí mới và thực hiện theo yêu cầu Nghị quyết số 111/2015/QH13 ngày 27/11/2015); đánh giá tình hình và chỉ rõ nguyên nhân án tồn đọng, nhất là đối với lượng án tồn đọng kéo dài.

- Công tác xác minh, phân loại điều kiện thi hành án theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự.

- Công tác thi hành án đối với các khoản nợ của các tổ chức tín dụng.

- Tình hình tổ chức cưỡng chế thi hành án dân sự (thuận lợi, khó khăn).

- Công tác phối hợp tổ chức thi hành phần dân sự trong các bản án hình sự đối với phạm nhân tại các trại giam thuộc Bộ Công an.

- Tình hình và kết quả phối hợp với Thừa phát lại trong việc tổng đạt văn bản về thi hành án và tổ chức thi hành án dân sự theo Nghị quyết số 107/2015/QH13 ngày 26/11/2015 về thực hiện chế định Thừa phát lại.

- Tình hình khiếu nại và giải quyết khiếu nại về thi hành án dân sự (đề nghị thống kê phân loại theo nội dung khiếu nại).

- Về tình hình và kết quả thi hành án hành chính.

- Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan thi hành án; công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm.

**2. Về kết quả triển khai Nghị quyết 107/2015/QH13 ngày 26/11/2015 của Quốc hội về thực hiện chế định Thừa phát lại**

- Công tác hoàn thiện thể chế về Thừa phát lại theo yêu cầu Nghị quyết số 107/2015/QH13.

- Công tác phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 107/2015/QH13.



- Kết quả đạt được; những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.
- Đề xuất, kiến nghị.

### **3. Về công tác thi hành án hình sự**

- Kết quả thực hiện việc áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội theo Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội “*về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13, Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức Cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 và bổ sung dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 vào Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2016*” thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan thi hành án hình sự.

- Việc chấp hành quy định về đưa người bị kết án phạt tù đi chấp hành án (số liệu về số người bị kết án phạt tù chưa đi chấp hành án gồm: số người đã có bản án có hiệu lực nhưng Tòa án chưa ra quyết định thi hành án; số đã có quyết định thi hành án nhưng chưa đi chấp hành; số được hoãn, tạm đình chỉ; số phạm nhân đang chấp hành án).

- Tình hình, kết quả thi hành án hình sự đối với số phạm nhân thi hành án phạt tù tại trại tạm giam, nhà tạm giữ thuộc Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện (đề nghị báo cáo rõ: tỷ lệ người chấp hành án tại trại tạm giam, nhà tạm giữ/số người bị tạm giữ, tạm giam).

- Tình hình vi phạm nội quy trại giam của phạm nhân (phạm nhân, người bị kết án đánh nhau, mang thai,...trong thời gian ở trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ). Các giải pháp phòng ngừa, biện pháp xử lý.

- Tình hình, kết quả việc lập hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm thời hạn chấp hành án đối với phạm nhân thi hành án phạt tù tại trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ thuộc Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện.

- Việc thực hiện các chế độ đối với phạm nhân; công tác tổ chức lao động cho phạm nhân và việc sử dụng kết quả lao động của phạm nhân ở các trại giam.

- Công tác thi hành án tử hình. Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

- Công tác thi hành án treo và các hình phạt cải tạo không giam giữ, quản chế, cấm cư trú theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Tình hình người đang chấp hành thời gian thử thách của án treo; người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, quản chế, cấm cư trú vi phạm nghĩa vụ thi hành án.



- Công tác tổ chức, cán bộ làm công tác thi hành án hình sự. Việc xử lý kỷ luật cán bộ, chiến sĩ làm công tác thi hành án hình sự vi phạm pháp luật (nếu có).

- Tình hình khiếu nại, tố cáo và công tác tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền của Cơ quan Công an trong hoạt động thi hành án hình sự.

- Những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế và đề xuất giải pháp, kiến nghị./.

**Lưu ý:**

Các nội dung Báo cáo về tình hình, kết quả công tác thi hành án phải được phân tích số liệu cụ thể và tính tỷ lệ %; so sánh với số liệu cùng kỳ của năm 2016.

